

# BÀI HỌC KINH NGHIỆM VỀ QUỐC TẾ HÓA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

## LESSONS FROM DEVELOPED COUNTRIES FOR INTERNATIONALIZATION OF BASIC EDUCATION USING COMPETENCE-BASED APPROACH

HỒ HỒNG LINH, NGUYỄN TIẾN TUYẾN, NGUYỄN THỊ HẢO (\*\*)

(\*\*) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,  
haonguyenpy2@hcmussh.edu.vn

| THÔNG TIN  | TÓM TẮT  |
|--|--|
| <p>Ngày nhận: 13/12/2019<br/>Ngày nhận lại: 17/12/2019<br/>Duyệt đăng: 14/01/2020<br/>Mã số: TCKH-S04T12-B28-2019<br/>ISSN: 2354 – 0788</p> <p><b>Từ khóa:</b><br/>quốc tế hóa giáo dục phổ thông, tiếp cận năng lực, khung năng lực cốt lõi, công dân toàn cầu.</p> <p><b>Key words:</b><br/>internationalization of basic education, competence-based approach, key competences framework, global citizen.</p> | <p><i>Toàn cầu hóa mang đến cho nền giáo dục của các quốc gia trên thế giới nhiều thách thức trong việc phải đổi mới trên nhiều khía cạnh để đáp ứng các yêu cầu đang không ngừng gia tăng. Toàn cầu hóa cũng đồng thời mở ra nhiều cơ hội cho các quốc gia tiếp cận và học hỏi những kinh nghiệm của nhau trong quá trình cải cách nền giáo dục. Quốc tế hóa giáo dục vừa là một yêu cầu bắt buộc, vừa là một chìa khóa giúp cho các quốc gia, trong đó có Việt Nam hoàn thiện hơn nền giáo dục của mình. Sử dụng tiếp cận năng lực, bài viết này trình bày những bài học kinh nghiệm của một số quốc gia phát triển như New Zealand, Mỹ, Singapore, Đài Loan, Nhật Bản trong việc quốc tế hóa chương trình giáo dục phổ thông ở các khía cạnh như: xây dựng khung năng lực cốt lõi đáp ứng các yêu cầu của quốc tế hóa, đưa các yếu tố quốc tế trở thành mục tiêu trọng tâm của giáo dục phổ thông và triển khai khung năng lực mang tính quốc tế vào chương trình giáo dục.</i></p> <p><b>ABSTRACT</b><br/><i>Globalization brings many challenges to the education of nations around the world to meet new ever-increasing demands. Globalization, also opens up opportunities for countries to access and learn from each other's experiences in educational reform. Internationalization of education is therefore, a requirement, as well as a key for countries, including Vietnam, to improve the quality of education. Using competence-based approach, this paper presents the lessons learned from developed countries such as New Zealand, the United States, Singapore, Taiwan and Japan for the process of internationalization in basic education in terms of: identifying a key competences framework that meets the requirements of internationalization, bringing international elements into the goals of general education and integrating key competences framework into curriculum.</i></p> |

## 1. XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC CỐT LÕI CÂN BẰNG ĐƯỢC TÍNH QUỐC TẾ VÀ TÍNH DÂN TỘC

Một yêu cầu quan trọng của quá trình quốc tế hóa giáo dục là làm thế nào để có thể đảm bảo tiếp thu những yếu tố quốc tế vào hệ thống giáo dục, nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc riêng biệt của từng quốc gia (Knight, 2015; O'Connor, Farnsworth & Utley, 2013). Nếu áp dụng tiếp cận năng lực thì yêu cầu này đầu tiên sẽ được chuyển hóa thành làm thế nào để có thể xây dựng được một hệ thống năng lực quốc gia cân bằng được tính quốc tế và tính dân tộc.

*Xây dựng và điều chỉnh khung năng lực cốt lõi phù hợp với bối cảnh quốc gia*

Năm 1993, New Zealand thực hiện áp dụng khung chương trình giáo dục chung cho các trường phổ thông với 8 nhóm kỹ năng cơ bản bao gồm kỹ năng: giao tiếp, tính toán, thông tin, giải quyết vấn đề, tự quản lý và cạnh tranh, xã hội và hợp tác, thể chất, làm việc và học tập. Những kỹ năng này thường được dạy lồng ghép vào các nội dung học tập truyền thống. Tuy nhiên, báo cáo Kiểm định chương trình quốc gia (2000 - 2002) cho thấy việc áp dụng danh sách những kỹ năng này không đạt được hiệu quả như mong đợi. Khái niệm kỹ năng trở nên không đủ tính toàn diện để diễn tả những yêu cầu mà người học cần phải đạt được để tiếp tục tự học và thích nghi tốt với những thay đổi liên tục của xã hội hiện đại. Khái niệm kỹ năng được cho là cần phải được thay thế bằng một khái niệm khác có tính toàn diện hơn. Do đó, khái niệm năng lực với ý nghĩa bao gồm tất cả những yêu cầu cần thiết để người học có thể đạt được những mục tiêu hành động bao gồm cả kiến thức, thái độ và kỹ năng đã trở thành một khái niệm được quan tâm nhiều hơn. Khái niệm năng lực sẽ giúp người học gắn kết được những kiến thức đã được học với những việc làm thực tế cũng như giúp người dạy hiểu được mục tiêu cuối cùng của quá trình học tập là người học có thể thực sự hành động được. Vì thế, bộ giáo dục New Zealand đã sử dụng mô hình

năng lực do OECD đề xuất để đổi mới chương trình giáo dục của mình. Theo như OECD, ba nhóm năng lực cốt lõi, bao gồm: *Năng lực sống và làm việc trong các nhóm xã hội không đồng nhất; Năng lực hành động tự chủ; Năng lực sử dụng công cụ hiệu quả*. Trong đó, năng lực tự tin được xem như là một năng lực cốt lõi xuyên suốt, là một khía cạnh quan trọng của cả ba bằng lực cốt lõi trên (Hipkins, 2006).

Những nhà phân tích chính sách giáo dục nhận thấy lợi ích của việc điều chỉnh chương trình học của New Zealand dựa trên các năng lực cốt lõi được đề xuất bởi OECD (Rutherford, 2005). Việc áp dụng hệ thống ba năng lực cốt lõi sẽ giúp rút ngắn lại danh sách các kỹ năng cần thiết trong chương trình học. Mô hình năng lực như trên cũng rất phù hợp với mong muốn và định hướng xây dựng các mục tiêu giáo dục một cách toàn diện, bao gồm cả những yếu tố về kiến thức, thái độ giá trị. Hơn nữa, kết quả của các chương trình đánh giá do OECD thực hiện dựa trên mô hình năng lực như PISA có thể cung cấp những dữ liệu, thông tin quý giá để đánh giá lại các chính sách giáo dục trong nước. Chương trình học trong nước càng tương đồng với mô hình của OECD thì kết quả từ các đánh giá này sẽ càng có giá trị. Hơn thế nữa, những năng lực cốt lõi này có thể trở thành một phương tiện để thống nhất mục tiêu giáo dục của các cấp học khác nhau.

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm thuận lợi, báo cáo về kiểm định chương trình quốc gia nhằm khảo sát ý kiến của người dân cũng cho thấy một số điểm không tương thích giữa hệ thống năng lực cốt lõi trên với bối cảnh cụ thể tại New Zealand. Kết quả khảo sát cho thấy một số cộng đồng New Zealand cảm thấy băn khoăn giữa hai khái niệm sự tự chủ và tính cá nhân. Đối với văn hóa Maori hoặc các cộng đồng Pacific, việc nhấn mạnh chủ nghĩa cá nhân dường như là không phù hợp. Đối với họ, cá nhân được sinh ra, được nuôi dưỡng và nhận sự hỗ trợ của cộng đồng, do đó việc xem trọng sự tự chủ hay tính cá

nhân sẽ tạo nên mâu thuẫn giữa quyền, hành vi của cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng. Nếu một người thực sự đạt được sự tự chủ, độc lập trong hành vi của mình, họ có nguy cơ đi ngược lại với những giá trị và trách nhiệm với cộng đồng. Vậy nên, có một sự mâu thuẫn giữa năng lực tự chủ và năng lực hòa nhập với cộng đồng trong nhóm ba năng lực cốt lõi. Bên cạnh đó,

những nhà chính sách cũng cảm thấy cần thiết phải tách năng lực tư duy thành một năng lực cốt lõi riêng biệt do vai trò quan trọng của nó trong việc phối hợp với các năng lực khác tạo nên sự thành công trong hành động (Kelly, 2001). Do đó, mô hình năng lực cốt lõi của DeSeCo được điều chỉnh lại để phù hợp với văn hóa và các mục tiêu giáo dục của chương trình quốc gia như sau:

| Danh sách năng lực cốt lõi của New Zealand | Danh sách năng lực cốt lõi của OECD     |
|--|---|
| Sử dụng ngôn ngữ, ký hiệu, văn bản         | Sử dụng công cụ hiệu quả                |
| Quản lý bản thân                           | Hành động tự chủ                        |
| Tương tác với những người xung quanh       | Sống và làm việc trong các nhóm xã hội  |
| Tham gia và cống hiến                      | không đồng nhất                         |
| Tư duy                                     | (Tư duy như là một năng lực xuyên suốt) |

Có thể thấy mặc dù những năng lực cốt lõi của chương trình quốc gia New Zealand vẫn được xây dựng dựa trên ba năng lực cốt lõi của OECD nhưng đã có nhiều điều chỉnh về cách dùng từ và diễn đạt cũng như bổ sung thêm năng lực tư duy như là một năng lực tách rời khỏi ba năng lực còn lại. Năng lực sử dụng công cụ hiệu quả đã được cụ thể hóa thành năng lực sử dụng ngôn ngữ, ký hiệu, văn bản và kỹ thuật, công nghệ để giao tiếp hiệu quả. Năng lực tự chủ đã được chuyển thành năng lực quản lý bản thân để tránh gây ra sự mâu thuẫn đối với văn hóa cộng đồng bản địa. Năng lực sống và làm việc với các nhóm xã hội được tách thành hai loại năng lực riêng biệt gồm “năng lực tương tác” và “năng lực tham gia, cống hiến” chứng tỏ mối quan tâm sâu sắc của những nhà chính sách đối với văn hóa cộng đồng và trách nhiệm của cá nhân đối với xã hội. Khung năng lực bao gồm 5 năng lực cốt lõi trên được đưa ra vào dự thảo lấy ý kiến khảo sát, tư vấn vào năm 2005 và được công bố chính thức vào tháng 11 năm 2007.

Thông qua bài học kinh nghiệm của New Zealand, chúng ta nhận thấy rằng việc tham khảo một khung năng lực của một tổ chức quốc tế hay có thể là một quốc gia khác là một việc cần thiết, mang lại nhiều lợi ích, đặc biệt là đảm bảo tính tương thích với những chuẩn đánh giá chung của

thế giới. Tuy nhiên, việc áp dụng khung năng lực này cũng có thể tạo nên những mâu thuẫn nhất định đối với văn hóa, truyền thống của quốc gia bản địa. Do đó, để khung năng lực có thể thực sự nhận được sự đồng thuận chung của xã hội, cần có những nghiên cứu, khảo sát cụ thể và những điều chỉnh phù hợp để đảm bảo được tính bản sắc của quốc gia ấy.

*Cân bằng giữa tính cá nhân, tính dân tộc và tính quốc tế trong khung năng lực*

Bên cạnh bài học của New Zealand về việc điều chỉnh khung năng lực từ khung năng lực chung của OECD, khi nghiên cứu các khung năng lực của các quốc gia châu Á khác như Nhật Bản và Đài Loan chúng ta cũng nhận thấy một số bài học về sự thống nhất, cân bằng giữa tính quốc tế và tính dân tộc. Tại Nhật Bản, việc xác định một hệ thống năng lực cốt lõi được thể hiện trong khái niệm “Zest for Living”. Khái niệm “Zest for Living”, trong tiếng Nhật là “Ikiru Chikara” được hiểu là điểm cân bằng, điểm tối ưu kết hợp giữa trí, đức, thể, mỹ - những yếu tố cần thiết để chuẩn bị cho một cuộc sống tích cực của công dân trong thế kỷ mới. Khung chương trình theo khái niệm “Zest for Living” phân chia thành ba nhóm năng lực bao gồm: *Sự độc lập và tự chủ cho cuộc sống của cá nhân; Mối quan hệ với những người*

khác trong trường học và gia đình; Quan hệ với xã hội và cộng đồng (ERI-Net, 2013). Có thể thấy, để hệ thống năng lực trở nên phù hợp với nền văn hóa của Nhật Bản, các nhà giáo dục Nhật Bản đã sáng tạo nên một khái niệm mới với một tên gọi có ý nghĩa gần gũi, dễ hiểu và dễ tiếp cận với đời sống của người dân hơn.

Tham khảo mục tiêu giáo dục của Đài Loan nhằm giúp học sinh trở thành những thanh niên của thế kỉ XXI, ta cũng có thể thấy rõ sự hòa hợp giữa yếu tố quốc tế và yếu tố dân tộc. Theo đó, mục tiêu đầu tiên của nền giáo dục phổ thông Đài Loan là gìn giữ, xây dựng được *bản sắc quốc gia*, giúp cho học sinh ý thức được vị trí của Đài Loan và hiểu được trách nhiệm của mình đối với tương lai của quốc gia (M.o.E of Taiwan). Đặc biệt, mục tiêu này cũng xác định rõ việc phát triển bản sắc quốc gia được thực hiện thông qua các tiếp xúc với nền giáo dục quốc tế. Như vậy, thông qua tiếp cận với các yếu tố quốc tế, bản sắc dân tộc không mất đi mà càng phải được ý thức và thể hiện một cách rõ ràng hơn. Các mục tiêu còn lại của nền giáo dục phổ thông đều gắn bó chặt chẽ với các vấn đề mang tính quốc tế, toàn cầu giúp cho học sinh Đài Loan trở thành những công dân có hiểu biết, sở hữu những năng lực cạnh tranh và nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm với cộng đồng thế giới (M.o.E of Taiwan).

Qua tham khảo một số bài học kinh nghiệm trong việc phát triển hệ thống năng lực cho bậc giáo dục phổ thông của một số quốc gia, chúng ta có thể nhận thấy một số cách thức cụ thể để cân bằng tính quốc tế và tính dân tộc trong xác định mục tiêu của nền giáo dục. Theo đó, đầu tiên việc xây dựng hệ thống năng lực quốc gia dựa trên những loại năng lực phổ biến tương thích với chương trình giáo dục của các quốc gia khác cũng như các tổ chức kiểm định trên thế giới là một yếu tố quan trọng để gia tăng tính quốc tế của hệ thống năng lực. Tuy nhiên, việc điều chỉnh lại hệ thống năng lực theo đặc điểm văn hóa, kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia cũng

là rất cần thiết. Hệ thống năng lực có thể được điều chỉnh lại bằng cách điều chỉnh các từ ngữ, cách diễn đạt, cách giải thích hoặc thay thế, bổ sung một số loại năng lực cụ thể. Ngoài ra, có thể thấy mặc dù sử dụng nhiều cách diễn đạt khác nhau nhưng hệ thống năng lực của các quốc gia trên đều thể hiện rõ mối quan tâm cho việc đào tạo nên một thành viên tích cực của quốc gia và đồng thời cũng là một công dân của toàn thế giới. Các nhóm năng lực xuất phát từ việc chuẩn bị cho người học có khả năng tự chủ, tự quản lý và chăm sóc bản thân cho đến khả năng xử lý các mối quan hệ trong gia đình, trường học, cộng đồng và cuối cùng là giải quyết những vấn đề của thế giới chung. Tính quốc tế, tính dân tộc và tính cá nhân được thể hiện rõ ràng trong hệ thống năng lực, thống nhất và gắn bó với nhau, đảm bảo cho hệ thống năng lực vừa có thể đáp ứng được với các yêu cầu của quốc tế, vừa giữ gìn được bản sắc của dân tộc, cộng đồng và cá nhân của mỗi người. Chúng tôi nhận thấy rằng cách xây dựng hệ thống năng lực dựa trên những vai trò của người công dân đối với cá nhân, với quốc gia và thế giới như trên giúp định hướng một cách rõ ràng, cụ thể những trách nhiệm và thử thách mà học sinh cần phải thực hiện. Từ đó, mỗi người học ngay từ khi bắt đầu tham gia vào quá trình học tập đều hiểu được rằng mình không chỉ là một cá nhân độc lập mà còn đồng thời là một thành viên của xã hội và một công dân của toàn cầu. Tính quốc tế do vậy được thể hiện rất đậm nét ngay trong việc xác định các nhóm năng lực cốt lõi của một công dân. Trong phần tiếp theo, bài viết sẽ tiến hành phân tích sâu hơn về bài học của các quốc gia trong việc xác định các loại năng lực giúp cho công dân có thể thích nghi và trở thành một công dân toàn cầu tích cực.

## **2. PHÁT TRIỂN CÁC NĂNG LỰC CỐT LÕI ĐỂ TRỞ THÀNH CÔNG DÂN TOÀN CẦU**

Trong quá trình nghiên cứu các hệ thống năng lực của một số quốc gia phát triển ở châu Á như Singapore và Đài Loan, chúng tôi nhận thấy rằng các quốc gia này đều rất chú trọng đến việc phát triển các năng lực để chuẩn bị cho công dân của họ trở thành những công dân toàn cầu. Mỗi quan tâm này được thể hiện rõ ràng trong việc xây dựng khung năng lực quốc gia định hướng cho hoạt động của toàn hệ thống giáo dục phổ thông.

*Xây dựng khung năng lực hướng đến hình mẫu công dân toàn cầu*

Bộ giáo dục Singapore khi xây dựng khung năng lực thế kỉ XXI dành cho học sinh đã xác định một trong ba nhóm năng lực cốt lõi là *nhận thức công dân, nhận thức toàn cầu và các kĩ năng liên văn hóa* (MoE of Singapore, 2018). Lý giải cho việc xác định nhóm năng lực này, Bộ giáo dục Singapore khẳng định rằng những công dân Singapore trong thời đại mới cần có những tầm nhìn rộng mở mang tầm thế giới và khả năng làm việc với những người đến từ những nền văn hóa khác nhau với những tư tưởng và quan điểm khác nhau. Nhóm năng lực cốt lõi này cùng với hai nhóm năng lực còn lại là *giao tiếp, hợp tác và kĩ năng thông tin; tư duy phản biện và sáng tạo* trở thành nền tảng để phát triển các năng lực, giá trị cụ thể như tự nhận thức, tự quản lý, nhận thức xã hội, quản lý các môn quan hệ và ra quyết định trách nhiệm.

Trong bốn mục tiêu nhằm phát triển năng lực cho học sinh Đài Loan trong thế kỉ XXI, bên cạnh mục tiêu xây dựng và duy trì bản sắc dân tộc, Đài Loan dành ba mục tiêu còn lại cho việc phát triển các năng lực của học sinh trong bối cảnh toàn cầu hóa. Trước tiên, học sinh cần có được *nhận thức toàn cầu*, là những hiểu biết về các vấn đề toàn cầu, là sự tôn trọng về đa dạng về văn hóa. Thông qua quốc tế hóa giáo dục, nhà trường hỗ trợ học sinh nâng cao năng lực *cạnh tranh toàn cầu* bằng việc phát triển khả năng ngoại ngữ, giao tiếp đa văn hóa. Nhà trường cũng xác định mục tiêu giáo dục học sinh *trách*

*nhiệm toàn cầu*, trở thành những người có trách nhiệm với cộng đồng thông qua việc nhận thức vai trò của mình và tham gia vào các hoạt động duy trì hòa bình, hỗ trợ và bảo vệ quyền con người, bảo tồn các nguồn lực thiên nhiên (M.o.E of Taiwan).

Có thể thấy khi xây dựng khung năng lực hay mục tiêu cho chương trình giáo dục phổ thông, các quốc gia như Singapore và Đài Loan không chỉ xác định các năng lực hay kĩ năng một cách tách biệt, độc lập mà đặt việc phát triển năng lực vào bối cảnh cụ thể, xác định vai trò cụ thể mà những công dân tương lai của họ phải thực hiện. Như Dede (2009) đã phân tích, những phẩm chất, năng lực như sáng tạo, tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác luôn luôn là những năng lực được xem trọng qua nhiều thời đại. Những năng lực này, do đó không phải là những năng lực được sản sinh ra trong thế kỷ mới mà sự thực là những năng lực truyền thống này được đặt vào những hoàn cảnh mới với những yêu cầu cao và phức tạp hơn. Các năng lực truyền thống như tự nhận thức, quản lý các mối quan hệ, giải quyết vấn đề, ra quyết định cần được đặt trong bối cảnh của thế kỉ 21 khi mà công dân của các nước phải đối diện với những vấn đề mang tính toàn cầu và liên văn hóa. Những nội dung mang tính quốc tế, đa văn hóa, phức tạp, đa chiều cần được lồng ghép, trở thành chủ đề để phát triển các năng lực, kĩ năng truyền thống. Nối tiếp chủ đề này, chúng tôi xin trình bày một bài học kinh nghiệm về cách thức mà nền giáo dục có thể đưa các yếu tố quốc tế, toàn cầu vào trong việc phát triển các năng lực như trên.

*Giảng dạy các năng lực toàn cầu cho học sinh*

Bài học kinh nghiệm mà chúng tôi sẽ trình bày xuất phát từ một nghiên cứu về việc giảng dạy năng lực toàn cầu cho học sinh tại bang North Carolina của Mỹ. North Carolina là một bang đặc trưng cho sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với cộng đồng dân cư. Trong hơn ba thập kỉ qua, North Carolina là nơi có số dân nhập cư cao nhất nước Mỹ và là nơi chứng kiến sự

chuyển đổi của nền kinh tế từ một nền kinh tế công nghiệp và nông nghiệp thành nền kinh tế tri thức. Để đáp ứng những thay đổi trên, Phòng giáo dục và giảng dạy cộng đồng của bang đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc bổ sung các khía cạnh quốc tế, toàn cầu vào giảng dạy. Bang North Carolina xác định 12 thành tố của năng lực toàn cầu, chia thành 3 nhóm bao gồm: giá trị, kiến thức và kỹ năng. Trong đó, giá trị gồm việc trân trọng những quan điểm khác biệt và những cam kết đối với một thế giới bình đẳng; kiến thức bao gồm những hiểu biết về các hoàn cảnh và sự kiện đang diễn ra trên toàn cầu, hiểu biết về sự kết nối của thế giới và hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau; kỹ năng bao gồm khả năng có thể giao tiếp bằng nhiều loại ngôn ngữ, khả năng tạo lập nên một môi trường lớp học đa văn hóa, tôn trọng sự khác biệt. Nghiên cứu của nhóm tác giả Tichnor-Wagner (2016) cho thấy, các giáo viên đã lồng ghép những nội dung mang tính quốc tế, toàn cầu vào các môn học truyền thống một cách rất hiệu quả. Một ví dụ cụ thể như trong việc giảng dạy ngôn ngữ cho học sinh trung học cơ sở, giáo viên cung cấp cho học sinh một danh sách những tài liệu, sách, truyện đến từ nhiều quốc gia. Học sinh có thể lựa chọn một quyển sách theo ý thích để đọc và viết một bài báo cáo cũng như thực hiện một poster giới thiệu về quốc gia đó. Khi học sinh trình bày các poster của mình, lớp học cũng sẽ thảo luận về sự khác biệt của các quốc gia, và khác biệt về văn hóa của những nhân vật trong sách và khác biệt so với văn hóa Mỹ. Hay như trong một lớp học về khoa học, học sinh được học về những ví dụ khác nhau trong việc sử dụng năng lượng tại các quốc gia và học về những hậu quả liên quan đến môi trường của việc sử dụng các nguồn năng lượng khác nhau đó. Giáo viên sau đó sẽ phân chia học sinh thành các nhóm ứng với các quốc gia khác nhau và học sinh sẽ phải lựa chọn những nguồn năng lượng phù hợp với mỗi quốc gia tùy thuộc vào tình hình dân số, nguồn tài nguyên thiên nhiên và giá cả của các nguồn năng

lượng đó. Học sinh cũng được tìm hiểu về những khó khăn và thử thách của các quốc gia trong việc sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường và tranh luận xem việc đảm bảo cho tất cả mọi người dân trên thế giới đều có thể sử dụng điện quan trọng hơn hay việc tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường là quan trọng hơn. Giáo viên cũng tổ chức các buổi trò chuyện thông qua video-chats với học sinh đến từ các quốc gia khác để tạo điều kiện cho học sinh phát triển khả năng giao tiếp đa quốc gia. Ví dụ học sinh tham gia lớp học tiếng Anh sẽ được trò chuyện với các bạn ở một trường học tại Ấn Độ. Mỗi học sinh sẽ chuẩn bị một phần giới thiệu về bản thân mình và đặt câu hỏi cho các bạn học sinh Ấn Độ. Ngoài ra các giáo viên cũng tổ chức cho học sinh tham gia vào các hoạt động cộng đồng như việc thu thập giấy đã qua sử dụng để tặng lại cho các bạn học sinh ở các quốc gia khác để nâng cao nhận thức về trách nhiệm toàn cầu của học sinh.

Thông qua những ví dụ trên, chúng ta nhận thấy rằng để đảm bảo thế hệ công dân tương lai có đủ khả năng thích nghi, hòa nhập và cạnh tranh trong một thế giới đa dạng, thay đổi liên tục thì việc xác định những mục tiêu và khung năng lực có tính quốc tế là rất quan trọng. Các năng lực trong khung năng lực phổ thông quốc gia không chỉ nên được xác định một cách rời rạc mà nhất thiết phải được đặt vào những bối cảnh thực tế, những vai trò mà người công dân cần phải thực hiện trong tương lai. Cách thức xác định khung năng lực này phù hợp với cách tiếp cận toàn diện (Holistic Approach) của định hướng giáo dục dựa trên năng lực, cũng là cách tiếp cận phổ biến và nhận được nhiều sự đồng thuận trong các nghiên cứu chuyên ngành. Do vậy, việc cụ thể hóa các năng lực hoặc các vấn đề có tính quốc tế vào khung năng lực phổ thông quốc gia là rất cần thiết cho việc định hướng cũng như triển khai cụ thể vào chương trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.

### 3. TRIỂN KHAI HỆ THỐNG NĂNG LỰC CỐT LÕI VÀO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Sau khi đã tìm hiểu một số kinh nghiệm trong việc xây dựng hệ thống năng lực cốt lõi của chương trình giáo dục phổ thông đảm bảo tính quốc tế, chúng tôi tiếp tục thực hiện nghiên cứu và trình bày một số bài học của các nước trong việc triển khai các năng lực này vào chương trình giáo dục phổ thông.

*Tích hợp khung năng lực cốt lõi vào chương trình giáo dục*

Trước hết, chúng tôi nhận thấy đa số các quốc gia đều có xu hướng tích hợp việc giảng dạy các năng lực vào các môn học, nội dung học tập truyền thống. Trong chương trình giáo dục phổ thông của New Zealand, hệ thống 5 năng lực cốt lõi không tồn tại tách biệt và cũng không phải là những mục tiêu giáo dục duy nhất. Năng lực cốt lõi trong chương trình quốc gia được xem là một bộ phận gắn bó mật thiết với các bộ phận còn lại trong chương trình bao gồm tầm nhìn, giá trị và các mảng nội dung học tập. Trong đó, tầm nhìn là những phẩm chất của hình mẫu người công dân mà nền giáo dục muốn hướng đến bao gồm: tự tin, kết nối, tích cực tham gia, có khả năng học tập suốt đời. Giá trị là những tính chất có tính định hướng cho các năng lực hành động cụ thể của người học, như: ưu tú, sáng tạo, đa dạng, công bằng, hợp tác, bền vững và chính trực (MoE of New Zealand, 2007a) Chương trình xây dựng 8 mảng nội học tập (tiếng Anh, Nghệ thuật, Sức khỏe và giáo dục thể chất, Học tập ngôn ngữ, Toán và thống kê, Khoa học, Khoa học xã hội, Công nghệ) là các chất liệu để người học phát triển các năng lực của mình (Roa & Flocton, 2009). Ứng với mỗi nội dung học tập, chương trình xác định 8 cấp độ năng lực trải dài trong 13 năm học. Tùy theo từng môn học mà chương trình cũng xác định một số nội dung và năng lực xuyên suốt cho tất cả các cấp độ. Ví dụ trong môn Nghệ thuật, chương trình chia thành

4 nội dung xuyên suốt gồm nhảy, kịch, âm nhạc và nghệ thuật tạo hình. Tất cả các nội dung, cho mọi cấp độ đều chứa đựng bốn nhóm năng lực thống nhất gồm: hiểu biết về loại hình nghệ thuật trong các bối cảnh cụ thể; phát triển kiến thức thực tế; xây dựng ý tưởng; diễn giải và giao tiếp (MoE of New Zealand, 2007b). Bài học quan trọng chúng ta có thể học được từ việc phát triển chương trình giáo dục của New Zealand chính là việc cụ thể hóa các năng lực cốt lõi theo đặc điểm của từng mảng nội dung học tập thành các mục tiêu học tập phù hợp. Các mục tiêu này tuy không trùng với các năng lực cốt lõi của chương trình nhưng đều phục vụ cho việc phát triển các năng lực cốt lõi ấy. Điều đáng lưu ý là các mục tiêu này đều được quy định dưới dạng các hành vi, năng lực cụ thể mà người học có thể thực hiện được ở mỗi cấp độ học tập. Ví dụ như ở cấp độ 1, nội dung kịch, ứng với năng lực phát triển ý tưởng, học sinh được yêu cầu phải có khả năng sử dụng các kinh nghiệm và trí tưởng tượng của bản thân để phát triển các ý tưởng về kịch. Cách tiếp cận năng lực này được thể hiện thống nhất xuyên suốt các cấp độ và các nội dung học tập giúp đạt được mục tiêu chung của chương trình.

*Bồi dưỡng, đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mới*

Bên cạnh kinh nghiệm về việc tích hợp khung năng lực vào các thành tố khác của chương trình giáo dục, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng rút ra được một bài học quan trọng về việc đào tạo, bồi dưỡng hệ thống giáo viên đảo bảm triển khai được các nội dung và tiếp cận mới. Trong chương trình giáo dục của Nhật Bản áp dụng triết lý “Zest for living”, giáo viên được đòi hỏi phải chuyển sang phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm. Giáo viên đang được đào tạo thông qua cả hai cách đào tạo chính thức và phi chính thức với mục tiêu giáo viên có nhiều phương pháp giảng dạy để thu hút sự tập trung và cộng tác của người học trong các hoạt động phát triển năng lực cốt lõi. Giáo viên được tham gia vào các khóa đào

tạo cấp trường, cấp quận và cấp thành phố. Đào tạo giáo viên là hoạt động hàng ngày trong các trường học ở Akita. Các giáo viên cảm thấy rằng loại hình đào tạo hiệu quả nhất là đào tạo tại trường. Đào tạo bao gồm cả những cách không chính thức, chẳng hạn như các cuộc thảo luận nhóm nhỏ trong phòng của giáo viên. Các giáo viên cũng nhận thức được sự chuyển giao các kỹ năng từ các giáo viên có kinh nghiệm sang các giáo viên trẻ thông qua thảo luận, trao đổi nhóm mang lại hiệu quả cao. Các hoạt động đào tạo giáo viên theo cách này không chỉ phục vụ cho việc đào tạo sư phạm hay kiến thức chuyên môn mà còn là một sự chuyển giao triết lý, tư tưởng, giá trị, niềm tin và văn hóa cho các nhà giáo dục mới (ERI-Net, 2013).

Quay trở lại với ví dụ về việc giảng dạy các năng lực toàn cầu cho học sinh ở bang North Carolina của Mỹ. Một trong những yếu tố quyết định thành công cho việc triển khai việc giảng dạy các năng lực này là quan điểm cho rằng giáo viên muốn dạy cho học sinh trở thành những công dân toàn cầu thì trước hết những người giáo viên đó phải thực sự sở hữu những năng lực của một công dân toàn cầu. Năm 2007, chuẩn đánh giá giáo viên của bang bổ sung nội dung “ý thức về các vấn đề toàn cầu” vào các tiêu chuẩn đánh giá giáo viên. Bang North Carolina cũng là bang đầu tiên trên toàn nước Mỹ đưa ra những khuyến nghị tập huấn cho các giáo viên để thực hiện nhiệm vụ trên. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cũng được khuyến khích liên hệ những trải nghiệm có tính toàn cầu của giáo viên với các nội dung học tập. Giáo viên có thể chia sẻ những kinh nghiệm của mình trong hoặc ngoài bài học và tạo điều kiện cho học sinh chia sẻ những câu chuyện của riêng mình. Những câu chuyện, trải nghiệm có thể xuất phát từ việc làm tình nguyện, đi du lịch hoặc giảng dạy, các chương trình trao đổi của giáo viên ở nước ngoài. Giáo viên trả lời những câu hỏi của học sinh hoặc trưng bày hình ảnh hay những vật kỷ niệm từ các chuyến đi ấy trong lớp học để kích thích các cuộc thảo luận.

Giáo viên cũng có thể đưa vào bài học những kiến thức thực tế mà họ tìm hiểu được thông qua các chuyến đi có liên quan đến nội dung bài học để giới thiệu với học sinh. Từ đó, giáo viên tiếp tục đưa ra những thảo luận để người học tìm hiểu về những khác biệt hay cả những đặc điểm chung, những vấn đề cần được quan tâm chung của các quốc gia trên thế giới. Việc giáo viên chia sẻ những trải nghiệm thực tế của mình tạo ra một không gian thân thiện và gần gũi giúp cho học sinh có thể thoải mái tiếp thu chia sẻ những hiểu biết của mình (Tichnor-Wagner, 2016)

Việc triển khai khung năng lực vào chương trình giáo dục chính thức hoặc vào thực tế học tập và giảng dạy đòi hỏi rất nhiều công đoạn, nhiệm vụ cần thực hiện. Trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi tập trung vào hai khía cạnh là việc tích hợp khung năng lực vào nội dung chương trình giáo dục và việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Thông qua các ví dụ cụ thể có thể thấy rằng để thực hiện triển khai hiệu quả việc đào tạo các năng lực, đặc biệt là năng lực toàn cầu cho học sinh, đòi hỏi một sự quyết tâm và thống nhất chung của toàn hệ thống giáo dục. Những quan điểm, nguyên tắc chung cần được xác lập cụ thể, rõ ràng và được triển khai đồng bộ ở tất cả các khía cạnh từ phát triển chương trình ở tất cả các môn học, nội dung đào tạo giáo viên và cách thức triển khai giảng dạy ở từng trường, từng lớp học, từng bài học. Điều quan trọng nhất là làm thế nào để mỗi nhà quản lý, mỗi giáo viên, mỗi học sinh đều có thể thực sự tiếp nhận được các mục tiêu, quan điểm và giá trị mới của chương trình giáo dục và nhận được những sự hỗ trợ cần thiết để đạt được những mục tiêu ấy.

#### 4. KẾT LUẬN

Dựa trên cách tiếp cận năng lực về quốc tế hóa giáo dục, bài viết trình bày những bài học kinh nghiệm rút ra được từ việc xây dựng và triển khai chương trình giáo dục của một số quốc gia phát triển như New Zealand, Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan và Singapore. 5 bài học quan trọng mà



Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình quốc tế hóa chương trình giáo dục phổ thông, bao gồm: 1) Khung năng lực định hướng cho chương trình giáo dục cần được xây dựng trên cơ sở tham khảo và có điều chỉnh khung năng lực của các quốc gia khác cho phù hợp với đặc điểm của Việt Nam; 2) Khung năng lực cần thể hiện rõ và xây dựng dựa trên ba vai trò và nhiệm vụ của người công dân trong thời đại mới: một cá nhân độc lập, một thành viên của quốc gia và một công dân toàn cầu. Từ đó đảm bảo cân bằng được đặc điểm của mỗi cá nhân, bản sắc của mỗi quốc gia và những yêu cầu, giá trị chung của toàn thế giới; 3) Chương trình giáo dục cần nhấn mạnh việc rèn luyện và phát triển các năng lực toàn cầu cho học sinh bằng cách đưa các năng lực cụ thể có liên quan vào khung năng lực cốt lõi và tích hợp việc giảng dạy các năng lực này một cách hiệu quả vào các nội dung học tập truyền thống; 4) Khung năng lực cốt lõi có thể được tích hợp vào chương trình giáo dục cùng

với các thành phần khác như giá trị, phẩm chất, tầm nhìn và được cụ thể hóa vào các mục tiêu của từng nội dung học tập dưới dạng các năng lực hành động; 5) Để giảng dạy hiệu quả theo tiếp cận năng lực, đội ngũ giáo viên cần được đào tạo lại, đặc biệt chú trọng đào tạo xuyên suốt trong quá trình giảng dạy đảm bảo giáo viên hiểu rõ được ý nghĩa, mục tiêu và các yêu cầu cụ thể để triển khai tiếp cận mới. Hơn hết, mỗi giáo viên cần phải là một tấm gương cho việc rèn luyện, thực hành các năng lực mong muốn trước khi tiến hành giảng dạy cho học sinh.

Lời cảm ơn: Bài viết này được tài trợ bởi đề tài “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục Việt Nam*” thuộc Chương trình Khoa học giáo dục 2016-2020 Bộ giáo dục và đào tạo đã được Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ giao nhiệm vụ ngày 12/08/2017 cho Nhóm nghiên cứu thuộc Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Asia-Pacific Education Research Institutes Network (2013), *Transversal competencies in education policy and practice (Phase 1, Phase 2, Phase 3)*.
2. Dede, C. (2009), *Comparing Frameworks for 21st century skills*. Truy cập tại: [http://watertown.k12.ma.us/dept/ed\\_tech/research/pdf/ChrisDede.pdf](http://watertown.k12.ma.us/dept/ed_tech/research/pdf/ChrisDede.pdf).
3. Hipkins, R (2006), *The Nature of the Key competencies: A background paper*, Truy cập tại: <http://www.nzcer.org.nz/system/files/nature-of-k-round-paper.pdf>.
4. Knight, J. (2015), *Updated the Definition of Internationalization. International Higher Education*.
5. Kelly, F. (2001), Báo cáo của New Zealand cho dự án DeSeCo. Truy cập tại: <http://deseco.ch/bfs/deseco/en/.../sfsodesecoccpnewzealand19122001.pdf>.
6. Ministry of Education (a) (2007), *The New Zealand Curriculum*. Truy cập tại: <http://nzcurriculum.tki.org.nz/The-New-Zealand-Curriculum>.
7. Ministry of Education (b) (2007), Curriculum achievement objectives by learning areas. Truy xuất từ <http://nzcurriculum.tki.org.nz/The-New-Zealand-Curriculum>.
8. M.o.E of Singapore (2018), Framework for 21st Century Competencies and Student Outcomes. Truy cập tại: <https://www.moe.gov.sg/education/education-system/21st-century-competencies>.
9. M.o.E of Taiwan. (nd.), Developing 21<sup>st</sup> century competencies for our next generation. *A white paper on international education for primary and secondary schools*.

10. O'Connor, G. C., Farnsworth, K. A., & Utley, M. E. (2013), Internationalization of General Education Curricula in Community Colleges: A Faculty Perspective. *Community College Journal of Research and Practice*, 37(12). doi:10.1080/10668926.2010.515512.
11. Roa, T.R. & Flocton, L. (2009), *The New Zealand Curriculum and Key competencies*. Truy cập tại: [nzei.org.nz/documents/MYNZEI/Resources/Connected%20Curriculum/07%20Key\\_Competencies.pdf](http://nzei.org.nz/documents/MYNZEI/Resources/Connected%20Curriculum/07%20Key_Competencies.pdf).
12. Rutherford, J. (2005), *Key competencies in the New Zealand curriculum: development through consultation*. *Curriculum Matters*.
13. Tichnor-Wagner, A., Parkhouse, H., Glazier, J., & Cain, J. M. (2016), *Expanding approaches to teaching for diversity and justice in K-12 education: Fostering Global citizenship across the content areas*, Education policy analysis archives.